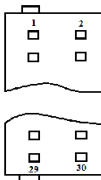


Part number	LVDS-Quantum-DF13-30DS-FI-W31S-650		
Type	LVDS cable		
Description	LVDS cable between LQ270M1LX01 and customer device , CON1= DF13-30DS CON2= FI-W31S length = 650 mm		
Length	650		
Connector 1	DF13-30DS		
Connector 2	FI-W31S		
All wires AWG28			

Connector 2	
FI-W31S	
1	Vcc
2	Vcc
3	Vcc
4	Vcc
5	GND
6	GND
7	GND
8	
9	
10	
11	RX00-
12	RX00+
13	RX01-
14	RX01+
15	RX02-
16	RX02+
17	RXOC-
18	RXOC+
19	RX03-
20	RX03+
21	RXE0-
22	RXE0+
23	RXE1-
24	RXE1+
25	RXE2-
26	RXE2+
27	RXEC-
28	RXEC+
29	RXE3-
30	RXE3+
31	GND

top view Connector 1			
DF13-30DS			
1	GND	GND	2
3	RX00+	RX00-	4
5	RX01+	RX01-	6
7	RX02+	RX02-	8
9	RXOC+	RXOC-	10
11	RX03+	RX03-	12
13	GND	GND	14
15	RXE0+	RXE0-	16
17	RXE1+	RXE1-	18
19	RXE2+	RXE2-	20
21	RXEC+	RXEC-	22
23	RXE3+	RXE3-	24
25	GND		26
27			28
29	Vcc	Vcc	30



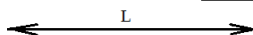
Вид со стороны подключения

X1 DF13-30DP-1.25C

GND	1	13
GND	2	14
DA0+	3	1
DA0-	4	2
DA1+	5	3
DA1-	6	4
DA2+	7	5
DA2-	8	6
DCLKA+	9	7
DCLKA-	10	8
DA3+	11	9
DA3-	12	10
GND	13	11
GND	14	12
DB0+	15	13
DB0-	16	14
DB1+	17	15
DB1-	18	16
DB2+	19	17
DB2-	20	18
DCLKB+	21	19
DCLKB-	22	20
DB3+	23	21
DB3-	24	22
GND	25	23
MODE	26	24
SC	27	25
	28	26
+12V	29	27
+12V	30	28

X2 FI-W31S

1	+12V
2	+12V
3	+12V
4	+12V
5	GND
6	GND
7	GND
8	
9	
10	
11	RX00-
12	RX00+
13	RX01-
14	RX01+
15	RX02-
16	RX02+
17	RXOC-
18	RXOC+
19	RX03-
20	RX03+
21	RXE0-
22	RXE0+
23	RXE1-
24	RXE1+
25	RXE2-
26	RXE2+
27	RXEC-
28	RXEC+
29	RXE3-
30	RXE3+
31	GND



L